

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH NĐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-PT  
Ngày 10-8- 2022  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi  
con chung.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NĐ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thu

*Các Thẩm phán:* Ông Mai Anh Tuấn

Ông Lại Văn Tùng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Xuân Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh NĐ tham gia phiên tòa:**

Bà Đặng Thị Phương Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh NĐ xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình phúc thẩm thụ lý số 12/2022/TLPT-HNGĐ ngày 09 tháng 6 năm 2022 về ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

Do bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh NĐ bị kháng cáo và bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị T; sinh năm: 1981; đăng ký hộ khẩu: Tổ dân phố số 10, thị trấn NG, huyện NT, tỉnh NĐ; chỗ ở: Phòng 807 tầng 8, Toà nhà N05, phường DV, quận CG, thành phố HN.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn N; sinh năm: 1972; địa chỉ: Tổ dân phố số 10, thị trấn NG, huyện NT, tỉnh NĐ.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn: Anh Phạm Văn N.

Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Chị T, anh N có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 27-8-2021 và quá trình tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là chị Vũ Thị T trình bày:

Chị và anh Phạm Văn N tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2001 tại UBND thị trấn Nam Giang, huyện NT, tỉnh ND. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách bất đồng không có tiếng nói chung. Chị xác định vợ chồng có tiếp tục chung sống cũng không hạnh phúc nên mong muốn được ly hôn anh N.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Phạm Vũ Đức Việt, sinh ngày 23-10-2002 và Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008. Hiện cháu Việt đã đủ 18 tuổi. Nay ly hôn, chị đề nghị được nuôi con chung Phạm Vũ Quốc Trung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 05-01-2022 và quá trình tố tụng tại Toà án, bị đơn là anh Phạm Văn N trình bày:

Anh và chị Vũ Thị T kết hôn vào năm 2000, quá trình tìm hiểu tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn NG, huyện NT, tỉnh ND. Sau khi cưới, giữa anh và chị T không xảy ra cãi vã to tiếng hay có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, chị T cho rằng tình cảm vợ chồng dần phai nhạt nên việc chị T đi đâu, làm gì anh không nắm được. Chị T chủ động ly thân và đưa đơn xin ly hôn với anh. Quan điểm của anh là vợ chồng không có mâu thuẫn lớn vẫn tiếp tục chung sống được với nhau, nhưng nếu chị T nhất quyết ly hôn thì tùy chị T quyết định. Anh tôn trọng quyền quyết định của chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Vũ Đức Việt, sinh ngày 23-10-2002 và Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008. Hiện cháu Việt đã đủ 18 tuổi. Nay ly hôn, anh đề nghị được nuôi con chung Phạm Vũ Quốc Trung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ chung vợ chồng: Không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 23/2021/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh ND đã quyết định. Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Phạm Văn N. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở quyền này. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 anh Phạm Văn N kháng cáo bản án sơ thẩm về việc nuôi con chung, đề nghị cấp phúc thẩm xét xử giao con chung cho anh nuôi dưỡng và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện NT kháng nghị bản án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm số 23/2022/HNGĐ-ST ngày 20 tháng 4 năm 2022 của Tòa án huyện NT theo Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ với nội dung: Trước khi ly hôn chị T sinh sống cùng anh N ở nhà nội trợ và phụ giúp công việc làm sất cùng chồng và gia đình. Sau khi mở phiên toà xét xử vụ án ly hôn; chị T dắt cháu Phạm Vũ Quốc Trung đi khỏi nơi cư trú, không rõ hiện nay ở đâu, gây khó khăn cho việc học tập của cháu Trung và việc thăm nom của anh N. Chị T không có nơi cư trú và nguồn thu nhập nên không bảo đảm về kinh tế cũng như sự phát triển về mọi mặt của cháu Trung, còn anh N có nhà ở, có công việc làm, thu nhập ổn định. Đề nghị cấp phúc thẩm xét xử giao cháu Trung cho anh N nuôi dưỡng.

Tại phiên toà phúc thẩm, anh N giữ nguyên đơn kháng cáo. Chị T giữ nguyên đơn khởi kiện. Anh N và chị T thoả thuận với nhau về việc giải quyết con chung.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát tỉnh ND phát biểu ý kiến: Về tố tụng, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh ND vẫn giữ nguyên quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022. Về đường lối giải quyết vụ án, tại phiên toà phúc thẩm anh N và chị T tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án cụ thể giao con chung là Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008 cho chị Vũ Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung; đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự. Án phí giải quyết theo pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

[1] Tại phiên toà phúc thẩm, anh N và chị T thoả thuận với nhau về việc giải quyết con chung cụ thể giao con chung là Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc thoả thuận nuôi dưỡng con chung giữa anh N và chị T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật, căn cứ khoản 1 Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự.

[2] Án phí dân sự phúc thẩm: Anh N phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thoả thuận về việc nuôi con chung giữa anh Phạm Văn N và chị Vũ Thị T cụ thể giao con chung Phạm Vũ Quốc Trung, sinh ngày 08-01-2008 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị T. Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Anh N phải nộp là 300.000 đồng nhưng được đối trừ với số tiền anh N đã nộp tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ theo biên lai số 0004623 ngày 28-4-2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT. Anh N đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh ND;
- TAND huyện NT;
- Chi cục THADS huyện NT;
- Hồ sơ vụ án; Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Vũ Thị Thu**

